

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2020/HS-ST

Ngày 21/02/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Việt Thanh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Tú – Ông Phạm Ngọc Lợi

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Linh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Chuẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/HS-ST ngày 02/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2020/QĐXXST-HS ngày 07/02/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Bích H**, sinh năm 1984, tại Ninh Bình; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: số nhà 70, đường Đ, phố 08, phường Đ, thành phố N, tỉnh N; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn H và con bà: Vũ Thị L; chồng: Đặng Văn K, bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm: 2008; con nhỏ sinh năm: 2013; Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 16/09/2019 đến nay, có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án :

- Anh **Đặng Văn K**, sinh năm: 1982

Địa chỉ: số nhà 70, đường Đ, phố 8, phường Đ, thành phố N, tỉnh N. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị Bích H được cấp giấy phép kinh doanh bán hàng tạp hóa là rượu, bia, thuốc lá và hàng công nghệ phẩm tại nhà ở số 70, đường Đ, phố 8, phường Đ, thành phố N, tỉnh N. Tháng 6/2019 có một nam thanh niên đến cửa hàng

tạp hóa của bị cáo giới thiệu tên là Nguyễn Văn H quê ở H và giao bán các loại thuốc lá do nước ngoài sản xuất nhưng không thông qua nhập khẩu với giá rẻ hơn các loại thuốc lá ngoại cùng loại đang bán trên thị trường. Do cũng đang kinh doanh mặt hàng thuốc lá lại thấy giá rẻ nên bị cáo đồng ý mua để cất giữ ở nhà nếu có người mua sẽ bán lại. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 9/2019, Nguyễn Văn H đã nhiều lần mang thuốc lá do nước ngoài sản xuất nhưng không có tem mác nhập khẩu đến bán cho bị cáo với tổng số 4.198 bao, gồm nhiều loại, hãng khác nhau. Toàn bộ số thuốc lá này sau khi mua được bị cáo đều tự mình mang cất giấu tại tủ bếp và trên tum sân thượng tầng 3 nhà ở của bị cáo.

Khoảng 14 giờ ngày 06/9/2019, bị cáo lấy 06 cây thuốc lá (mỗi cây 10 bao) nhãn hiệu “RAISON” và 05 cây (mỗi cây 10 bao) mang nhãn hiệu “BLEND NO.555 MANDARIN” bỏ trên xe biển kiểm soát 35B1-710.57 đi tìm nơi để chào bán. Khi H đi đến khu vực đường T, phường Đ, thành phố N bị tổ công tác thuộc Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh N phối hợp với đội Cảnh sát giao thông Công an thành phố N làm nhiệm vụ kiểm tra hành chính. Khi tổ công tác yêu cầu bị cáo xuất trình giấy tờ, hóa đơn, chứng từ liên quan đến số thuốc lá nêu trên thì bị cáo không xuất trình được. Tổ công tác đã niêm phong 11 cây thuốc lá đưa bị cáo cùng tang vật về trụ sở Phòng cảnh sát kinh tế Công an tỉnh N lập biên bản vi phạm hành chính. Quá trình làm việc tại Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh N, bị cáo Nguyễn Thị Bích H tự khai nhận ngoài số thuốc lá lậu đã bị thu giữ, bị cáo còn cất giấu thuốc lá lậu tại nhà ở của mình.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của bị cáo Nguyễn Thị Bích H ở số 70, đường Đ, phố 8, phường Đ, thành phố N, tỉnh N, bị cáo tự nguyện lấy toàn bộ số thuốc lá lậu đang cất giữ ở nhà giao nộp gồm: Thuốc lá điều nhãn hiệu 555 màu xanh gồm 190 cây = 1900 bao; Thuốc lá điều nhãn hiệu 555 màu vàng gồm 60 cây = 600 bao; Thuốc lá điều nhãn hiệu Caster màu trắng gồm 25 cây = 250 bao; Thuốc lá điều nhãn hiệu Marlboro màu trắng gồm 30 cây = 300 bao; Thuốc lá điều nhãn hiệu Champman gồm 40 cây = 400 bao; Thuốc lá điều nhãn hiệu Jet gồm 05 cây = 50 bao; Thuốc lá điều nhãn hiệu ESSE gồm 05 cây = 50 bao; Thuốc lá điều nhãn hiệu 555 màu trắng gồm 16 cây = 160 bao; Thuốc lá điều nhãn hiệu Camel gồm 05 cây = 50 bao; Thuốc lá điều nhãn hiệu Raison gồm 25 cây = 250 bao; Thuốc lá điều nhãn hiệu Zet marula gồm 06 cây = 60 bao; Thuốc lá điều nhãn hiệu Richmond gồm 01 cây = 10 bao và 08 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Canyon. Toàn bộ số thuốc lá trên do nước ngoài sản xuất không có hóa đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ. Cơ quan công an đã niêm phong toàn bộ số thuốc lá thu giữ tại nhà ở của bị cáo Nguyễn Thị Bích H, cùng số thuốc lá thu giữ trong quá trình kiểm tra hành chính gửi đi giám định xác định có phải thuốc lá điều thành phẩm hay không, sản xuất ở Việt Nam hay do nước ngoài sản xuất.

Tại bản Kết luận giám định số 5281/C09-P4 ngày 11/9/2019 của Viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an kết luận:

- 183 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “ BLEND NO 555 GOLD”, không dán tem gửi giám định đều là thuốc lá điều thành phẩm nhãn hiệu “BLEND NO 555 GOLD” được sản xuất tại nước ngoài.

- 60 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “BLEND NO 555 ORIGINAL” không dán tem gửi giám định đều là thuốc lá điều thành phẩm nhãn hiệu “BLEND NO 555 ORIGINAL” được sản xuất tại nước ngoài.

- 02 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “BLEND NO 555 SIGNATURE” không dán tem gửi giám định đều là thuốc lá điều thành phẩm nhãn hiệu “ BLEND NO 555 SIGNATURE” được sản xuất tại nước ngoài.

- 25 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “CATTER 5” không dán tem gửi giám định đều là thuốc lá điều thành phẩm nhãn hiệu “ CATTER 5” được sản xuất tại nước ngoài.

- 30 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “MARLBORO” không dán tem gửi giám định đều là thuốc lá điều thành phẩm nhãn hiệu “MARLBORO” được sản xuất tại nước ngoài.

- 27 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “CHAMPMAN VANILLA” không dán tem gửi giám định đều là thuốc lá điều thành phẩm nhãn hiệu “CHAMPMAN VANILLA” được sản xuất tại nước ngoài.

- 13 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “CHAMPMAN COFFEE” không dán tem gửi giám định đều là thuốc lá điều thành phẩm nhãn hiệu “CHAMPMAN COFFEE” được sản xuất tại nước ngoài.

- 05 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “JET” không dán tem gửi giám định đều là thuốc lá điều thành phẩm nhãn hiệu “JET” được sản xuất tại nước ngoài.

- 05 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “ESE light” không dán tem gửi giám định đều là thuốc lá điều thành phẩm nhãn hiệu “ ESE light” được sản xuất tại nước ngoài.

- 10 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “BLEND NO.555 MANDARIN” không dán tem gửi giám định đều là thuốc lá điều thành phẩm nhãn hiệu “BLEND NO.555 MANDARIN” được sản xuất tại nước ngoài.

- 16 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “BLEND NO.555 MANDARIN DELUXE” màu trắng không dán tem gửi giám định đều là thuốc lá điều thành phẩm nhãn hiệu “BLEND NO.555 MANDARIN DELUXE” được sản xuất tại nước ngoài.

- 05 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “CAMEL” không dán tem gửi giám định đều là thuốc lá điều thành phẩm nhãn hiệu “CAMEL” được sản xuất tại nước ngoài.

- 31 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “RAISON” không dán tem gửi giám định đều là thuốc lá điều thành phẩm nhãn hiệu “RAISON” được sản xuất tại nước ngoài.

- 06 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “ZEST MARULA” không dán tem gửi giám định đều là thuốc lá điều thành phẩm nhãn hiệu “ZEST MARULA” được sản xuất tại nước ngoài.

- 01 cây gồm 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “RICHMOND” không dán tem gửi giám định đều là thuốc lá điều thành phẩm nhãn hiệu “RICHMOND” được sản xuất tại nước ngoài.

- 08 bao mang nhãn hiệu “Canyon” không dán tem gửi giám định đều là thuốc lá điều thành phẩm nhãn hiệu “Canyon” được sản xuất tại nước ngoài.

- Theo thông tư 124/2007/TT-BTC ngày 26/10/2007 của Bộ tài chính thuốc lá điều nhập khẩu vào Việt Nam phải có “tem thuốc lá điều nhập khẩu” do Bộ Tài chính nước Cộng hòa XHCN Việt Nam phát hành và dán trên từng bao.

Hiện tại, Viện khoa học hình sự không đủ điều kiện để giám định các mẫu thuốc lá mang các nhãn hiệu trên là của nước nào sản xuất.

Số lượng mẫu vật P4/C09 trích mẫu thu để giám định đã sử dụng hết, không hoàn lại. Số lượng mẫu còn lại được niêm phong trong các thùng cát tông và hoàn trả lại cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Ninh Bình gồm 153 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “BLEND NO 555 GOLD”; 50 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “BLEND NO 555 ORIGINAL”; 01 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “BLEND NO 555 SIGNATURE”; 20 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “CATTER 5”; 25 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “MARLBORO”; 23 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “CHAMPMAN VANILLA”; 10 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “CHAMPMAN COFFEE”; 04 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “JET”; 04 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “ESE light”; 07 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “BLEND NO.555 MANDARIN”; 13 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “BLEND NO.555 MANDARIN DELUXE” màu trắng; 04 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “CAMEL”; 26 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “RAISON”; 04 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “ZEST MARULA”; 07 bao thuốc mang nhãn hiệu “RICHMOND” và 06 bao mang nhãn hiệu “Canyon”.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 31/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Bích H về tội “Tàng trữ hàng cấm” theo điểm e khoản 2, khoản 4 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Bích H đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố là đúng và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, không thay đổi, bổ sung gì và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: bị cáo Nguyễn Thị Bích H phạm tội “Tàng trữ hàng cấm”. Áp dụng điểm e khoản 2; khoản 4 Điều 191, điểm r, s, khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bích H từ 27 tháng tù đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 đến 60 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 21/02/2020. Giao bị cáo Nguyễn Thị Bích H cho UBND phường Đ, thành phố N, tỉnh N theo dõi giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo Nguyễn Thị Bích H có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Đ, thành phố N, tỉnh N trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Phạt bổ sung đối với bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để sung Ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS: Tịch thu tiêu hủy số thuốc lá còn lại.

Trả lại cho anh Đặng Văn K chiếc xe mô tô Honda Wave RS biển kiểm soát 35B1-710.57 đã thu giữ của bị cáo.

Bị cáo bị kết án phải nộp án phí HSST và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Bích H không có ý kiến gì với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục được quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện công khai, hợp pháp đúng Pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Bích H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với

vật chứng của vụ án, kết luận giám định và những chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Ngày 06/9/2019, tại khu vực đường T, phường Đ, thành phố N, tỉnh N và qua khám xét tại nhà của bị cáo địa chỉ tại số nhà 70, đường Đ, phố 8, phường Đ, thành phố N, tỉnh N, bị cáo Nguyễn Thị Bích H có hành vi cất giấu 4.198 bao thuốc lá điều nhập lậu là loại hàng mà Nhà nước cấm mọi hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán thì bị phát hiện, thu giữ. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Bích H đã cấu thành tội “Tàng trữ hàng cấm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 191 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến trật tự quản lý kinh tế, xâm phạm đến việc quản lý của Nhà nước về sản xuất, kinh doanh hàng cấm. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe nhưng lại không chịu lao động chân chính mà lại tham lợi muốn kiếm lời nhanh chóng đã không xem xét nguồn gốc, chất lượng sản phẩm hàng hóa, lợi dụng hàng hóa thuốc lá thuộc loại thuốc lá điều trong lĩnh vực mình được phép kinh doanh đã thu mua số lượng lớn các loại thuốc lá do nước ngoài sản xuất không có hóa đơn chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ cất giữ trong nhà. Vì vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm chung.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử cần xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như sau: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; khi bị Tổ công tác kiểm tra hành chính bị cáo đã khai nhận hành vi và khai nhận về việc mình còn cất giữ tại nhà số lượng thuốc lá bị cấm; bị cáo không có việc làm ổn định, bị cáo phạm tội lần đầu, mục đích mua thuốc lá về bán kiếm lời nhưng bị cáo chưa bán được lần nào thì bị bắt giữ, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, không có tiền án, tiền sự, có hai tình tiết giảm nhẹ qui định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, do vậy chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo tại địa phương, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội như Viện kiểm sát đề nghị theo quy định tại Điều 65 BLHS cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo là phù hợp, đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[3] Các vấn đề khác:

- Vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS : Đối với số thuốc lá thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Bích H sau khi chuyển đi giám định còn lại 153 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “BLEND NO 555 GOLD”; 50 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “BLEND NO 555 ORIGINAL”; 01 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “BLEND NO 555 SIGNATURE”; 20 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “CATTER 5”; 25 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “MARLBORO”; 23 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “CHAMPMAN VANILLA”; 10 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “CHAMPMAN COFFEE”; 04 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “JET”; 05 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “ESE light”; 07 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “BLEND NO.555 MANDARIN”; 13 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “BLEND NO.555 MANDARIN DELUXE” màu trắng; 04 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “CAMEL”; 26 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “RAISON”; 04 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “ZEST MARULA”; 07 bao thuốc mang nhãn hiệu “ RICHMOND” và 06 bao mang nhãn hiệu “Canyon” là vật nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với chiếc xe mô tô Honda Wave RS biển kiểm soát 35B1-710.57 thu giữ của bị cáo, xe đăng ký mang tên Đặng Văn K, sinh năm: 1982 là chồng của bị cáo. Chiếc xe máy này anh K mua vào năm 2014 làm phương tiện đi làm của anh K, việc bị cáo sử dụng chiếc xe máy trên làm phương tiện đi tiêu thụ hàng cấm anh K không biết. Anh K đã có đơn trình bày và có nguyện vọng được xin lại xe vì đó là phương tiện duy nhất để anh đi làm. Xét thấy nguyện vọng của anh K là phù hợp nên Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe máy trên cho anh K.

- Về nguồn gốc thuốc lá lậu, quá trình điều tra bị cáo Nguyễn Thị Bích H khai nhận mua của một nam thanh niên bị cáo chỉ biết tên là Nguyễn Văn H quê H do đó không có căn cứ để điều tra xác minh làm rõ.

- Án phí: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị kết án nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm e khoản 2; khoản 4 Điều 191; điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Bích H phạm tội "Tàng trữ hàng cấm".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Bích H 33 (Ba mươi ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (21/02/2020).

Phạt bổ sung đối với bị cáo: 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bích H cho UBND phường Đ, thành phố N, tỉnh N theo dõi giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Đ, thành phố N, tỉnh N trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Nếu bị cáo Nguyễn Thị Bích H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 68; Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo Nguyễn Thị Bích H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích H là người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy : 153 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “BLEND NO 555 GOLD”; 50 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “BLEND NO 555 ORIGINAL”; 01 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “BLEND NO 555 SIGNATURE”; 20 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “CATTER 5”; 25 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “MARLBORO”; 23 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “CHAMPMAN VANILLA”; 10 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “CHAMPMAN COFFEE”; 04 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “JET”; 04 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “ESE light”; 07 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “BLEND NO.555 MANDARIN”; 13 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “BLEND NO.555 MANDARIN DELUXE” màu trắng; 04 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “CAMEL”; 26 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “RAISON”; 04 cây mỗi cây 10 bao thuốc mang nhãn hiệu “ZEST MARULA”; 07 bao thuốc mang nhãn hiệu “ RICHMOND” và 06 bao mang nhãn hiệu “Canyon” đựng trong 09 thùng giấy cát tông, trên mỗi thùng có giấy niêm phong và chữ ký xác nhận của những người tham gia niêm phong.

-Trả lại cho anh Đặng Văn K chiếc xe mô tô Honda Wave RS biển kiểm soát 35B1-710.57 đã thu giữ của bị cáo.

(Vật chứng có đặc điểm theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa Công an Thành phố N và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Bích H phải nộp 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP Ninh Bình;
- Chi Cục THADS thành phố Ninh Bình;
- Công an thành phố Ninh Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình;
- THA hình sự
- Bị cáo;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Việt Thanh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Ngọc Lợi - Đặng Đình Phương

Trịnh Việt Thanh

